

Số: 14/2019/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân tổ chức trên địa bàn tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 52/TTr-STP ngày 22 tháng 4 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân tổ chức trên địa bàn tỉnh Sơn La; để áp dụng

mức chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản tài liệu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp theo quy định tại mục 16 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xử lý vi phạm hành chính.

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

c) Cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân tổ chức trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân tổ chức trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. Về thẩm quyền

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước được giao nhiệm vụ trưởng đoàn hoặc chủ trì thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các trường hợp quy định tại Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ, có trách nhiệm xác định các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân tổ chức để làm cơ sở thanh toán cho người thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân tổ chức là hồ sơ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp cần xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính mà không thuộc trường hợp giải trình.

b) Hồ sơ vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

c) Hồ sơ do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết nhưng sau đó chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

d) Hồ sơ vụ việc mà thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính vượt quá 7 ngày (tối đa là 30 ngày) kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

đ) Hồ sơ vụ việc có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ và gia hạn thêm thời gian (không quá 30 ngày) để xử lý theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

e) Hồ sơ vụ việc thuộc trường hợp kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề (tối đa không quá 30 ngày) theo quy định tại Khoản 8, Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

g) Hồ sơ có đối tượng bị xử phạt là cá nhân, tổ chức nước ngoài.

h) Hồ sơ liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực quản lý, thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều chủ thể (từ 02 ngành, lĩnh vực, chủ thể quản lý trở lên).

i) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính do từ 02 cá nhân, tổ chức trở lên thực hiện;

k) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính gây hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí chi hỗ trợ công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *nguyễn*

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Chỉ đạo CCTP Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy; UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Như điều 5;
- Lưu: VT, NC, SN50b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Trang Thị Xuân
Trang Thị Xuân

